

Điều 12. — Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở có trách nhiệm:

1. Giáo dục, động viên mọi người lao động tham gia, ủng hộ và phối hợp cùng Ban Thanh tra nhân dân thực hiện nhiệm vụ;

2. Lựa chọn, giới thiệu người có đủ tiêu chuẩn để Đại hội công nhân viên chức xem xét và bầu vào Ban Thanh tra Nhân dân;

3. Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban Thanh tra nhân dân sau khi Đại hội công nhân viên chức bầu để phân công nhiệm vụ cho từng Ủy viên và bầu Trưởng, Phó Ban;

4. Hướng dẫn Ban Thanh tra nhân dân định chương trình công tác, định kỳ nghe báo cáo kết quả hoạt động và giải quyết các đề xuất, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân đối với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở;

5. Cùng với các tổ chức Thanh tra Nhà nước tổ chức việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ban Thanh tra nhân dân; nội dung do các tổ chức Thanh tra Nhà nước hướng dẫn;

6. Xác nhận các biên bản và kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 13. — Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở có trách nhiệm tạo điều kiện, phương tiện cần thiết cho Ban Thanh tra nhân dân hoạt động như chỗ làm việc, giấy bút... Ban Thanh tra nhân dân được trích một phần quỹ phúc lợi cho hoạt động của mình theo kế hoạch do Đại hội công nhân viên chức quyết định. Những nơi không có quỹ phúc lợi được trích một phần kinh phí hành chính cho hoạt động thanh tra nhân dân.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 14. — Các cá nhân và tập thể Ban Thanh tra nhân dân hoàn thành xuất

sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo chế độ khen thưởng chung của Nhà nước.

Điều 15. — Các tổ chức Thanh tra Nhà nước phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và Liên đoàn lao động các cấp hướng dẫn nghiệp vụ cho các Ban Thanh tra nhân dân theo sự hướng dẫn chung của Thanh tra Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

Điều 16. — Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế các quy định trước đây về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 17. — Tổng Thanh tra Nhà nước, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 242-HĐBT ngày 5-8-1991 ban hành quy định về việc các bên nước ngoài và phương tiện nước ngoài vào nghiên cứu khoa học ở các vùng biên nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Tuyên bố ngày 12 tháng 5 năm 1977 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam;

Căn cứ Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam;

Căn cứ Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 5 tháng 6 năm 1984 về vùng trời Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 30-CP ngày 29 tháng 1 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ về quy chế cho tàu thuyền nước ngoài vào hoạt động trên các vùng biển của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111-HĐBT ngày 2 tháng 7 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về quy định đối với phương tiện bay nước ngoài bay đến, bay đi, bay trong và bay qua vùng trời nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Đề tạo thuận lợi cho việc hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học biển, phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế;

Đề thống nhất quản lý việc nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ chủ quyền ở các vùng biển của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Ủy ban Khoa học Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy định về việc các bên nước ngoài và phương tiện nước ngoài vào nghiên cứu khoa học ở các vùng biển nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng

các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 3. — Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

QUY ĐỊNH về việc các bên nước ngoài vào nghiên cứu khoa học ở các vùng biển nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

(Ban hành kèm theo Nghị định số 242-HĐBT ngày 5-8-1991 của Hội đồng Bộ trưởng)

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Các bên nước ngoài và phương tiện nước ngoài nói trong Quy định này, bao gồm:

1. Các bên nước ngoài: Các nước, các tổ chức quốc tế, các pháp nhân hay cá nhân nước ngoài.

2. Các phương tiện nghiên cứu nước ngoài: Các phương tiện nghiên cứu di động hay cố định (phương tiện nổi, bay, trạm nghiên cứu... trừ các phương tiện hoạt động bằng năng lượng nguyên tử) không thuộc quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam, của pháp nhân Việt Nam (có trụ sở chính tại Việt Nam) của công dân Việt Nam (thường trú tại Việt Nam).

Điều 2. — Việc nghiên cứu khoa học biển nói trong Quy định này bao gồm:

các hoạt động nghiên cứu khoa học trong phạm vi vùng nước bên trên đáy biển và trong lòng đất dưới đáy biển cũng như vùng trời của các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền tài phán của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm điều tra, thăm dò, nghiên cứu tài nguyên, các điều kiện tự nhiên, môi trường biển và các hoạt động khác nhằm mục tiêu dân dụng và phục vụ mục đích hòa bình.

Điều 3. — Các hoạt động nghiên cứu khoa học của bên nước ngoài nói trong điều 1 được khuyến khích và bảo hộ trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và pháp luật của Việt Nam, theo các hình thức sau :

1. Các Hiệp định quốc tế về hợp tác khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam với nước ngoài.

2. Các dự án nghiên cứu khoa học của các nước, các tổ chức quốc tế được Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép.

3. Các kế hoạch nghiên cứu, thăm dò tài nguyên và các điều kiện tự nhiên ở biển của các Hiệp định hợp tác, dự án, hợp đồng kinh tế biển giữa các cơ quan, tổ chức, xí nghiệp của Trung ương và địa phương của Việt Nam với nước ngoài đã được Chính phủ Việt Nam cho phép.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. — Bên nước ngoài muốn điều tra, nghiên cứu khoa học trong các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam tuân theo các điều kiện và thủ tục sau :

1. 6 tháng trước khi dự định bắt đầu tiến hành dự án, phải xin phép và cung cấp cho phía Việt Nam bản dự án, gồm :

a) Tinh chất, mục tiêu và nhiệm vụ của dự án.

b) Phương pháp và phương tiện sẽ được sử dụng: tên, kiểu, chủng loại phương tiện, danh mục các dụng cụ, thiết bị nghiên cứu.

c) Địa bàn và hành trình địa lý của dự án.

d) Thời hạn dự định cho chuyển đến đầu tiên và chuyển ra đi cuối cùng của các phương tiện, thiết bị nghiên cứu.

e) Tên cơ quan chủ dự án; tên Giám đốc cơ quan và tên người chịu trách nhiệm dự án.

f) Mức độ dành cho phía Việt Nam tham gia vào dự án: số người Việt Nam được mời tham gia dự án; phương tiện nghiên cứu khoa học của Việt Nam tham gia thực hiện dự án.

g) Khả năng chuyển giao công nghệ cho Việt Nam: trợ giúp không lấy tiền, bán, đào tạo cán bộ cho Việt Nam.

h) Tài chính của dự án.

i) Trong thời gian 4 tháng kể từ khi bên nước ngoài xin vào nghiên cứu; phía Việt Nam sẽ trả lời bên nước ngoài về quyết định của mình. Khi đến nhận giấy phép, bên nước ngoài phải nộp lệ phí làm thủ tục xét duyệt dự án.

2. Sau khi dự án đã được chấp thuận, bên nước ngoài phải nộp đơn tới Chính phủ Việt Nam xin phép cho người và phương tiện vào nghiên cứu.

Trong các trường hợp nói ở điều 3, mục 1, 2, bên nước ngoài nộp đơn tại Ủy ban Khoa học Nhà nước Việt Nam.

Trong trường hợp quy định trong điều 3, mục 3, bên nước ngoài nộp đơn cho các cơ quan chuyên ngành trực tiếp thực hiện hợp đồng kinh tế với bên nước ngoài. Bên nước ngoài phải trả lệ phí cấp giấy phép theo quy định của Việt Nam.

Đơn phải nộp trước 1 tháng khi đưa phương tiện vào vùng biển của Việt Nam.

3. Đơn xin phép cho phương tiện hoạt động khoa học phải theo mẫu thống nhất do phía Việt Nam quy định. Nội dung đơn xin phép gồm các điểm chính sau đây :

a) Tên, quốc tịch, địa chỉ của chủ phương tiện, của các đại diện cho chủ phương tiện (nếu có), người sử dụng phương tiện (địa chỉ bưu điện, điện tin, telex, telefax...).

b) Quốc tịch của phương tiện.

c) Kiểu, tên, nhãn hiệu đăng ký và tính năng chủ yếu của phương tiện.

d) Họ, tên, quốc tịch, chức vụ của người chỉ huy phương tiện, của các cán bộ khoa học và các thành viên khác đi trên phương tiện.

e) Mục đích, tính chất và nội dung của công việc mà phương tiện phải tiến hành.

f) Quy trình nghiên cứu, các thông số kỹ thuật, do đạc, các trang thiết bị nghiên cứu khoa học của phương tiện.

g) Ngày giờ dự kiến đến và rời khỏi vùng biển của Việt Nam.

h) Khu vực và tuyến khảo sát cụ thể.

i) Nơi (cảng) xuất phát trước khi vào vùng biển Việt Nam và nơi đến đầu tiên sau khi rời khỏi vùng biển Việt Nam.

k) Kiểu loại, đăng ký máy thông tin liên lạc, tần số vô tuyến sử dụng, thời gian liên lạc trong ngày.

1. Số người Việt Nam tham gia nghiên cứu đi trên phương tiện, v.v..

Điều 5. — Sau khi đã được cấp giấy phép hoạt động, người và phương tiện nghiên cứu nước ngoài mới được tiến hành hoạt động trong vùng biển của Việt Nam.

Thời hạn hiệu lực của mỗi giấy phép sẽ căn cứ vào nội dung và mục đích của công việc, nhưng không được vượt quá thời hạn của dự án, mỗi giấy phép chỉ có giá trị một lần.

Trường hợp giấy phép hết hạn nhưng dự án chưa kết thúc thì giấy phép có thể được gia hạn, mỗi giấy phép chỉ được

gia hạn một lần. Thời gian gia hạn hoặc đổi giấy phép phải tiến hành chậm nhất trước khi giấy phép hết hạn 30 ngày. Mỗi lần xin cấp phép hay gia hạn bên nước ngoài đều phải nộp lệ phí.

Điều 6. — Khi tiến hành nghiên cứu khoa học trong các vùng biển của Việt Nam, các phương tiện và người nước ngoài đi trên phương tiện phải tuân thủ các điều sau :

1. Mang dấu hiệu nhận biết của phương tiện, chấp hành các quy định về treo cờ, đèn, tín hiệu... phù hợp với luật pháp quốc tế và quy chế của Việt Nam.

2. Có đầy đủ các giấy tờ sau :

a) Giấy đăng ký của phương tiện.

b) Các bằng chuyên môn của nhân viên và cộng tác viên khoa học đi trên phương tiện, giấy tờ tùy thân của họ

c) Nhật ký hành trình của phương tiện.

d) Giấy phép sử dụng hệ thống thông tin vô tuyến trên phương tiện.

e) Giấy chứng nhận về độ bảo đảm an toàn ngăn ngừa nhiễm bẩn do dầu và các chất thải khác đối với môi trường biển.

Các giấy tờ trên được coi là hợp pháp nếu được cấp theo đúng pháp luật của nước đăng ký phương tiện hay tổ chức quốc tế phù hợp với các điều khoản của công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

f) Giấy phép cho nghiên cứu khoa học do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

g) Kế hoạch và tiến trình nghiên cứu trong khu vực được phép.

3. Khi giám sát viên Việt Nam đến làm nhiệm vụ, chủ phương tiện phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để họ thi hành chức trách của mình.

Tiếp nhận và tạo điều kiện cần thiết để các nhà khoa học Việt Nam tham gia nghiên cứu trên phương tiện.

Miễn phí tất cả các dịch vụ (sử dụng thiết bị, ăn, ở, chữa bệnh...) cho những người Việt Nam làm việc trên phương tiện.

Việc sử dụng nhân lực Việt Nam sẽ được thỏa thuận trong từng trường hợp cụ thể.

4. Duy trì liên lạc hàng ngày với cơ quan chủ quản của phía Việt Nam, thông báo các thông tin sau:

a) Tên, số đăng ký của phương tiện.

b) Vị trí của phương tiện tại thời điểm báo cáo (kinh, vĩ độ).

c) Ngày, giờ báo cáo.

d) Thực hiện công việc trong ngày theo kế hoạch.

e) Số liệu khảo sát khoa học thu được trong ngày và số liệu phát báo liên quan khác.

f) Các thông tin cần thiết khác.

5. Trong quá trình tiến hành nghiên cứu, bất kỳ một sửa đổi nào đối với dự án đều phải thông báo cho phía Việt Nam và chỉ được tiến hành sau khi phía Việt Nam cho phép.

6. Không được mang theo vũ khí, đạn dược, chất nổ, phương tiện trinh sát; các chất độc hại.

7. Không được tiến hành các hoạt động nào khác, ngoài các hoạt động nghiên cứu khoa học đã được phép.

8. Chỉ được ghé lại các cảng, sân bay, bến cảng của Việt Nam ghi trong giấy phép.

Điều 7. — Trước khi rút về nước (do kết thúc hoặc tạm ngừng hoạt động) bên nước ngoài phải:

1. Chuyển giao cho phía Việt Nam bản sao toàn bộ số liệu quan trắc, do đạc, các mẫu vật, tiêu bản và tài liệu tổng kết, sơ kết trong thời gian khảo sát.

2. Trong trường hợp mẫu vật không thể phân chia mà chỉ có 1 bản, bên nước ngoài phải chuyển giao cho phía Việt Nam (trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

3. Tạo điều kiện giúp đỡ Việt Nam tham gia xử lý số liệu điều tra, khảo sát, chuyển giao cho phía Việt Nam các kỹ thuật xử lý số liệu trên cơ sở trợ giúp hoặc trao đổi, thông qua thương lượng.

4. Sau khi đợt khảo sát kết thúc, chậm nhất là 12 tháng, bên nước ngoài phải có báo cáo chính thức về các kết quả phân tích, xử lý số liệu và mẫu vật, các kết luận khoa học cuối cùng, chuyển giao chúng cho phía Việt Nam.

5. Việc công bố hoặc chuyển giao các kết quả nghiên cứu của dự án cho nước thứ 3 hay một tổ chức quốc tế, phải được sự đồng ý của phía Việt Nam.

Điều 8. — Để bảo đảm an toàn hàng hải, bên nước ngoài phải tuân thủ các điều sau:

1. Việc đặt, sử dụng các thiết bị hay dụng cụ, các công trình nghiên cứu trong vùng biển của Việt Nam phải được phép của phía Việt Nam, theo các quy định của Việt Nam.

2. Khi công tác nghiên cứu kết thúc, các dụng cụ, thiết bị và phương tiện phải được tháo gỡ và rút ra khỏi các vùng biển của Việt Nam trong thời hạn không quá 10 ngày, trừ khi có thỏa thuận khác. Những phần còn lại của các thiết bị hay dụng cụ nghiên cứu chưa kịp tháo gỡ hoàn toàn do lý do kỹ thuật và được Chính phủ Việt Nam cho phép gia hạn, bên nước ngoài cần thông báo ngay cho phía Việt Nam rõ vị trí, kích thước, hình dạng và độ sâu của các phương tiện và phải đặt các dấu hiệu, báo hiệu thích hợp.

Chương III

CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. — Bên nước ngoài tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học trong các vùng biển của Việt Nam, nếu vi phạm các điều khoản của quy định này, tùy theo mức độ phải chịu các hình thức xử lý sau:

1. Cảnh cáo.
2. Phạt tiền từ 2% đến 12% giá trị của dự án, tính theo USD.
3. Đình chỉ dự án nghiên cứu đã được chấp nhận, cho phép.
4. Thu hồi giấy phép và đình chỉ hoạt động nghiên cứu của phương tiện.
5. Khi vi phạm những cam kết ghi trong dự án, bên nước ngoài phải chấm dứt ngay công việc của mình và rút ra khỏi các vùng biển của Việt Nam trong thời hạn không quá 3 ngày đối với các phương tiện và 10 ngày đối với các dụng cụ hay thiết bị như đã nêu trong mục 2 của điều 8.

Việc nghiên cứu khoa học chỉ được tiếp tục sau khi bên nước ngoài cam kết tuân theo quy định của Việt Nam.

Trường hợp bên nước ngoài vi phạm nghiêm trọng, phía Việt Nam có quyền bắt giữ người và phương tiện theo pháp luật của Việt Nam.

Điều 10. — Những thiệt hại về tài sản, tài nguyên thiên nhiên và môi trường Việt Nam, tài sản và sức khỏe của người Việt Nam do bên nước ngoài gây ra, bên nước ngoài phải bồi thường theo quy định của Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Điều 11. — Trong khi nghiên cứu, nếu gặp rủi ro, tai nạn, thiên tai, bên nước ngoài phải nhanh chóng bắt liên lạc với cơ quan chính quyền của Việt Nam nơi gần nhất để có sự trợ giúp và hướng dẫn cần thiết.

Điều 12. — Trường hợp có tranh chấp giữa bên Việt Nam và bên nước ngoài khi thực hiện hợp đồng thì Luật được áp dụng là Luật Việt Nam trừ khi các bên tranh chấp có thỏa thuận khác.

Điều 13. — Ủy ban Khoa học Nhà nước là cơ quan được Chính phủ Việt Nam ủy quyền tiếp nhận, xét duyệt các dự án khoa học nêu tại điều 3.

Điều 14. — Việc cấp giấy phép cho phương tiện của nước ngoài vào nghiên cứu khoa học và quản lý trực tiếp hoạt động này được tiến hành như sau:

1. Trong các trường hợp ở mục 1, 2 của điều 3, Ủy ban Khoa học Nhà nước có nhiệm vụ cấp giấy phép, thu lệ phí và xử lý vi phạm hay đình chỉ việc nghiên cứu khoa học của phương tiện.

2. Trong các trường hợp ở mục 3, điều 3, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có các hợp đồng trực tiếp với nước ngoài được quyền cấp giấy phép cho phương tiện vào nghiên cứu khoa học của dự án (sau khi đã được Ủy ban Khoa học Nhà nước cấp giấy phép cho kế hoạch này) thu lệ phí, xử lý vi phạm hay đình chỉ hoạt động.

Điều 15. — Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương phối hợp với Ủy ban Khoa học Nhà nước tổ chức việc kiểm tra, giám sát các hoạt động nghiên cứu khoa học của các bên nước ngoài và phương tiện nước ngoài trên các vùng biển do địa phương quản lý.

Điều 16. — Tất cả các văn bản đã ban hành trái với Quy định này đều bãi bỏ.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng
K. T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT